

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2023

*“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Dương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hà.

2. Bà Đinh Thị Lệ.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Hà – Cán bộ Tòa
án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa: Ông Đỗ Đình Lộc – Kiểm sát viên.*

Ngày 20/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-DS,
ngày 07/11/2022, về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-DS, ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn K, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

*Bị đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1972 và bà Võ Thị Kim H, sinh năm
1971.*

- Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào Văn
N trình bày:**

Ngày 30/8/2018, tôi có cho vợ chồng anh Phạm Đình T và chị Võ Thị Kim H
mượn số tiền 90.000.000 đồng, khi mượn có thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày
30/8/2018 thì hạn trả nợ là ngày 30/9/2018. Đến hạn tôi có nhiều lần tìm gặp anh
T và chị H nhưng anh chị không chịu trả mà hứa hẹn rất nhiều lần.

Do đó tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Đình T và chị Võ Thị Kim H phải liên đới trả số tiền đã mượn là 90.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/8/2018 đến thời điểm tháng 8/2022 là 48 tháng (lãi suất 1%/tháng) là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi kể từ tháng 9/2022.

Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H:

Vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Thẩm phán Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đều được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải liên đới trả số tiền đã vay là 90.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/8/2028 đến thời điểm khởi kiện là 48 tháng (lãi suất 1%/tháng) là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng.

Buộc ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H có nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H vẫn có mặt tại địa phương nhưng không không hợp tác để giải quyết vụ án, việc vắng mặt tại Tòa án mà không có lý

do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim Hoa. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải liên đới trả số tiền đã mượn là 90.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/8/2018 đến thời điểm khởi kiện tạm tính là 48 tháng (lãi suất 1%/tháng) là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung vụ án: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày 30/8/2018, nguyên đơn có cho vợ chồng ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H mượn số tiền 90.000.000 đồng khi mượn có thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 30/8/2018 thì hạn hạn trả nợ là ngày 30/9/2018 (lãi suất là 01%/tháng) và tiền lãi kể từ ngày 30/8/2018 đến tháng 30/8/2022 tạm tính là 48 tháng là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng.

Nguyên đơn ông Đào Văn N khởi kiện buộc ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải trả cho 1 lần đủ số 133.200.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2022.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Văn N thì thấy rằng: Giao dịch dân sự về cho vay giữa nguyên đơn với bị đơn ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội vì vậy giao dịch này là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng cũng như thực hiện đúng những thỏa thuận, cam kết khi xác lập giao dịch. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao đủ tiền cho ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H nhưng ông T và bà H lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả đủ tiền theo thỏa thuận cho ông Đào Văn T. Như vậy, ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà mình đã cam kết và ông Đào Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Đình T và bà Võ Thị Kim H phải trả số tiền đã vay là có căn cứ.

Xét giao dịch giữa ông Đào Văn N và ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự quy định:” *Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn*”

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Số tiền ông Đào Văn N cho ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H vay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), số tiền này đã được ông Nội trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa.

Ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ đã vay cho ông Đào Văn N như đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn yêu cầu của ông Đào Văn N được chấp nhận nên ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 6.660.000 đồng. Ông Đào Văn N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng từ ngày 30/8/2018 đến ngày 8/2022 là cao hơn quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự thì “đối với hợp đồng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự”. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ 30/8/2018 đến ngày 8/2022 với lãi suất 0,83/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2022. Đây là sự tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chấp nhận yêu cầu của ông Nội về việc buộc ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H phải trả số nợ có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 30/8/2018 đến tháng 30/8/2022 là 48 tháng là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/9/2022 đến nay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, Điều 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 388, 463, 465, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Đào Văn N.
- Buộc ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H phải liên đới trả cho ông Đào Văn N số tiền gốc là gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi là 43.200.000 đồng, tổng cộng là 133.200.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Buộc ông Phạm Đình T, bà Võ Thị Kim H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.660.000 đồng (*Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

+ Ông Đào Văn N không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Đào Văn N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 3.330.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010772, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Trần Đại Dương

